

MINI TEST

Date: February 18th, 2025 Time: 10 minutes

Full name: _____

Class : _____

Score: / 20

Bài 1. Hoàn thành bảng từ vựng:

| Words | | Meaning |
|------------------------|-----|---------------------------|
| 1. proverbs or sayings | n | |
| 2. herald | v | |
| 3. | n | đặc trưng |
| 4. | adj | đặc biệt, đặc trưng |
| 5. roof ridges | n | |
| 6. raise young | v | |
| 7. | n | áp suất khí quyển |
| 8. flock together | v | |
| 9. | adj | nhạy cảm, dễ bị ảnh hưởng |
| 10. Mediterranean | n | |
| 11. encounter | v | |
| 12. | v | ở gần sát ... |

Bài 2. Sử dụng các từ vựng ở Bài 1 để hoàn thành các câu sau, lưu ý chia các động từ (nếu cần):

1. Kangaroos keep their babies in their pouches to _____ their _____ until they are strong enough.
2. The invention of the Internet _____ a new era of technology.
3. Many families live in close _____ to the school, making it easy for children to walk there.
4. "Actions speak louder than words" is one of the most famous _____ in English.
5. Teenagers are more _____ to peer pressure during adolescence.
6. This restaurant is famous for its _____ flavors and unique dishes.
7. One _____ of cats is their ability to see in the dark.
8. Birds of a feather _____, so it's no surprise that all the artists in town are good friends.

